

Số: 239HN/DFK-HCM

15

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông,**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

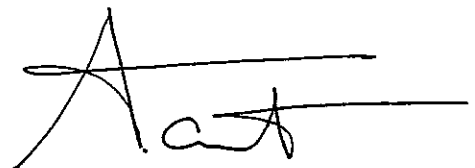
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Lương Nhân**  
**Tổng Giám đốc**  
Giấy Chứng nhận đăng ký HNKiT số 0182-2018-042-1  
Thay mặt và đại diện cho:  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM**  
Ngày 28 tháng 3 năm 2018  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy Chứng nhận đăng ký HNKiT  
số 0985-2018-042-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>401.049.182.376</b>	<b>398.636.318.573</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>15.832.145.207</b>	<b>23.173.909.190</b>
1. Tiền	111		15.832.145.207	23.173.909.190
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>207.078.680.627</b>	<b>193.660.661.040</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		146.573.889.997	101.360.843.531
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.127.982.913	19.365.398.887
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.667.186.556	9.213.886.556
4. Các khoản phải thu khác	136		42.326.378.709	74.481.815.163
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10.616.757.548)	(10.761.283.097)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>		<b>177.357.532.446</b>	<b>178.024.225.628</b>
1. Hàng tồn kho	141		177.357.532.446	178.024.225.628
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>780.824.096</b>	<b>3.777.522.715</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		258.150.836	667.106.466
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		512.884.877	3.099.363.466
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		9.788.383	11.052.783
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>83.690.096.610</b>	<b>101.426.078.347</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>65.000.000</b>	<b>1.367.304.984</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	1.108.135.552
2. Phải thu dài hạn khác	216		65.000.000	259.169.432
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>42.087.594.778</b>	<b>64.200.196.581</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6</b>	41.527.298.418	61.749.380.807
Nguyên giá	222		84.815.114.844	102.453.375.314
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.287.816.426)	(40.703.994.507)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>7</b>	560.296.360	2.450.815.774
Nguyên giá	228		1.407.700.002	3.107.920.002
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(847.403.642)	(657.104.228)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>9.677.555.729</b>	<b>271.771.400</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.677.555.729	271.771.400
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		<b>31.332.025.097</b>	<b>35.293.739.416</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>8</b>	12.382.025.097	3.343.739.416
2. Đầu tư dài hạn khác	253	<b>9</b>	18.950.000.000	31.950.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>527.921.006</b>	<b>293.065.966</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		527.921.006	293.065.966
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>484.739.278.986</b>	<b>500.062.396.920</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>326.028.889.617</b>	<b>365.160.822.853</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<b>310</b>		<b>304.002.232.726</b>	<b>338.042.561.962</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		67.979.246.585	66.663.928.915
2. Người mua trả tiền trước	312		95.905.899.924	85.144.670.585
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	9.152.224.897	12.903.582.706
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	174.150.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		27.698.994.182	101.388.492.690
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	96.096.410.112	61.527.155.524
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	12	5.040.993.490	3.715.182.977
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2.128.463.536	6.525.398.565
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<b>330</b>		<b>22.026.656.891</b>	<b>27.118.260.891</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		1.283.400.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	20.743.256.891	27.118.260.891
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>158.710.389.369</b>	<b>134.901.574.067</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<b>410</b>		<b>158.710.389.369</b>	<b>134.901.574.067</b>
1. Vốn điều lệ	411	14	82.508.680.000	53.711.030.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		82.508.680.000	53.711.030.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.806.058.000	12.936.448.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.795.440.640	4.891.814.620
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.037.504.518	732.970.028
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		45.103.802.507	58.738.039.450
- LNST chưa phân phối đến c.kỳ trước	421a		26.511.421.447	5.156.578.404
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.592.381.060	53.581.461.046
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	16	13.458.903.704	3.891.271.969
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>450</b>		<b>484.739.278.986</b>	<b>500.062.396.920</b>



**NGUYỄN THỊ NGỌC HẰNG**  
Kế toán trưởng  
Ngày 28 tháng 3 năm 2018



**LÂM THÁI BẢO**  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

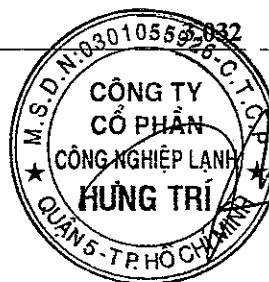
MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
1. Doanh thu bán hàng	01		651.105.597.583	498.391.584.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	6.900.000
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	17	651.105.597.583	498.384.684.489
4. Giá vốn hàng bán	11	18	555.125.944.757	397.621.152.849
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>95.979.652.826</b>	<b>100.763.531.640</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	77.453.037	35.888.180.605
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	20	7.435.264.031	6.264.077.793
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		6.991.148.194	5.431.146.444
8. Lợi nhuận công ty liên doanh, liên kết	24	8	38.285.681	(386.662.367)
9. Chi phí bán hàng	25	22	11.244.535.083	7.804.783.664
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	36.336.656.463	48.189.689.857
<b>11. Lãi từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>41.078.935.967</b>	<b>74.006.498.564</b>
12. Thu nhập khác	31		187.572.719	1.839.368.014
13. Chi phí khác	32		181.372.190	991.686.008
14. Lợi nhuận khác	40		6.200.529	847.682.006
<b>15. Lãi kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>41.085.136.496</b>	<b>74.854.180.570</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	8.521.084.568	14.873.517.304
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		-	-
<b>18. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>32.564.051.928</b>	<b>59.980.663.266</b>
<i>Phân bổ cho:</i>				
18.1 Cổ đông của Công ty	61		29.743.109.176	58.994.618.972
18.2 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		2.820.942.752	986.044.294
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	24		<b>5.679</b>



NGUYỄN THỊ NGỌC THĂNG  
Kế toán trưởng  
Ngày 28 tháng 3 năm 2018



LÂM THÁI BẢO  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**MẪU B 03-DN**

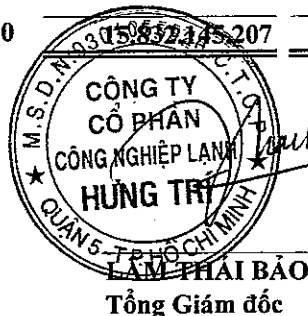
Đơn vị: VNĐ

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
<b>I, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1, Lãi trước thuế	01	41.085.136.496	74.854.180.570
2, Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.913.937.425	12.152.181.708
Các khoản dự phòng	03	1.325.810.513	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(61.120.779)	(36.243.704.988)
Chi phí lãi vay	06	6.991.148.194	5.430.802.394
3, Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	59.254.911.849	56.193.459.684
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(9.527.971.614)	(65.590.256.743)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	666.693.182	(66.560.718.088)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(51.834.462.965)	76.015.301.167
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	174.100.590	4.322.411.381
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.991.148.194)	(5.430.802.394)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.201.829.754)	(5.773.837.033)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	1.283.400.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(870.000.000)	(2.253.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.046.306.906)	(9.077.442.026)
<b>II, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(23.285.516.485)	(2.715.396.182)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	1.981.504.836
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(23.918.487.633)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.961.714.319	34.700.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	61.120.779	301.068.653
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.262.681.387)	10.348.689.674
<b>III, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp	31	16.717.260.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	214.273.900.341	90.999.236.398
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(167.797.318.031)	(97.535.019.418)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	(2.439.136.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.226.618.000)	(16.619.044.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.967.224.310	(25.593.963.820)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(7.341.763.983)	(24.322.716.172)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	23.173.909.190	47.496.625.362
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	15.832.145.207	23.173.909.190

NGUYỄN THỊ NGỌC THẮNG

Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2018



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Hưng Trí là một Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Hưng Trí theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301055926 ngày 16 tháng 07 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

**Hoạt động chính**

Thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, quyền phân phối bán lẻ máy móc, vật tư, thiết bị các công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, thiết bị môi trường, cơ khí thuộc ngành công nghiệp và dân dụng. Dịch vụ liên quan tới sản xuất (CPC 884 và 885); Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633); Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516); Dịch vụ sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí (CPC 51641); Dịch vụ mắc và lắp ráp điện (CPC 516); Dịch vụ kho bãi (CPC 742); Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748); Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672); và Thiết kế cơ điện công trình. Thiết kế thông gió, điều hòa không khí công trình công nghiệp./.

Công ty có 3 công ty con và 3 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Stt	Tên công ty	Tỉ lệ sở hữu	Tỉ lệ b.quyết t	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Kỹ thuật Công Trình Hưng Trí	85%	100%	Thi công các công trình kho lạnh
2	Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí	90%	100%	Lắp đặt hệ thống điện, điện lạnh
3	Công ty TNHH Bao bì và Cơ điện lạnh Ba Huân	80%	90%	Lắp đặt hệ thống điều hòa
4	Công ty Cổ phần Maviflex Châu Á	24%	24%	Sản xuất cửa, vách ngăn kho lạnh
5	Công ty TNHH IWATANI AC&R Việt Nam	35%	35%	Sản xuất tấm cách âm, cách nhiệt
6	Công ty CP Kỹ thuật Lạnh Recom	45%	45%	Sản xuất tấm cách âm, cách nhiệt

Trụ sở của Công ty đặt tại 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 100 người (năm 2016:112 người).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 9 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định khác	06

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng;

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	929.033.097	1.911.067.564
Tiền gửi ngân hàng	14.903.112.110	21.262.841.626
+ VNĐ	13.264.471.429	20.923.813.896
+ USD	1.622.603.904	322.893.581
+ EUR	16.036.777	16.134.149
	<u>15.832.145.207</u>	<u>23.173.909.190</u>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VNĐ	VNĐ
Phải thu khách hàng	(1) 146.573.889.997	101.360.843.531
Trả trước cho người bán	(2) 21.127.982.913	19.365.398.887
Phải thu cho vay ngắn hạn	(3) 7.667.186.556	9.213.886.556
Phải thu khác	(4) 42.326.378.709	74.481.815.163
	<u>217.695.438.175</u>	<u>204.421.944.137</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn	<u>(10.616.757.548)</u>	<u>(10.761.283.097)</u>
	<u>207.078.680.627</u>	<u>193.660.661.040</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>(1) Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng gồm:</b>		
Công ty Cổ Phần Đầu tư Hoa Hồng	5.121.699.363	89.743.500
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	10.965.530.636	13.931.755.008
Công ty TNHH Thịt Ngon Quốc Tế La Maison	2.942.167.100	3.919.382.100
Công ty CP ĐTPT Đô thị Long Giang	9.402.136.114	4.803.171.643
Công Ty TNHH CJ CGV Việt Nam	4.120.943.021	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Việt Phú An	6.727.336.010	-
Công ty Cổ phần Pacific Trường Thành	6.888.149.685	-
Công ty TNHH Panasonic Việt Nam	4.561.452.500	1.639.438.900
Công ty CP Thực phẩm Xuất Khẩu Đồng Giao	547.300.000	1.947.300.000
Các khách hàng khác	95.297.175.568	75.030.052.380
	<b>146.573.889.997</b>	<b>101.360.843.531</b>
<b>(2) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn gồm:</b>		
	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH Hoàng Tâm	6.570.666.000	4.144.184.000
Công ty TNHH IWATANI AC & R Việt Nam	130.804.596	1.000.000.000
Công ty TNHH Uông Sung	1.364.000.000	-
Công ty Cổ phần XNK và Thương mại Hà Nội	-	4.359.288.823
Công ty CP ĐTPT Đô thị Long Giang	3.597.303.150	-
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Bảo Thạch	5.908.446.800	-
Các khách hàng khác	3.556.762.367	9.861.926.064
	<b>21.127.982.913</b>	<b>19.365.398.887</b>
<b>(3) Cho vay ngắn hạn</b>		
	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH KM Phương Nam	6.228.597.283	6.228.597.283
Công ty TNHH Chế biến XNK Thủy Sản Quốc Ái	-	1.546.700.000
Công ty TNHH Thanh Khiết	1.438.589.273	1.438.589.273
	<b>7.667.186.556</b>	<b>9.213.886.556</b>
<b>(4) Các khoản phải thu khác chi tiết như sau:</b>		
	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu tạm ứng	18.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	4.874.906.744	6.454.806.993
Phải thu ngắn hạn khác (*)	37.433.471.965	68.027.008.170
	<b>42.326.378.709</b>	<b>74.481.815.163</b>
<b>(*) Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH Hoàng Gia Long An	4.630.050.000	4.630.050.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A Ba	31.999.000.000	61.999.000.000
Phải thu của các đối tượng khác	804.421.965	1.397.958.170
	<b>37.433.471.965</b>	<b>68.027.008.170</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ**

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**MÁU B 09-DN****6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>Nhà cửa &amp; vật kiến trúc VNĐ</b>	<b>Máy móc thiết bị VNĐ</b>	<b>Phương tiện vận tải VNĐ</b>	<b>Thiết bị văn phòng VNĐ</b>	<b>Tổng cộng VNĐ</b>
Tại 01/01/2017	90.571.387.084	4.378.576.858	5.642.250.366	1.861.161.006	102.453.375.314
Tăng	12.496.852.156	818.000.000	390.000.000	-	13.704.852.156
+ Mua trong năm	12.496.852.156	818.000.000	390.000.000	-	13.704.852.156
Thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	(27.442.280.764)	(3.212.431.862)	(688.400.000)	-	(31.343.112.626)
Tại 31/12/2017	75.625.958.476	1.984.144.996	5.343.850.366	1.861.161.006	84.815.114.844

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại 01/01/2017	33.508.011.820	2.275.441.880	3.798.467.366	1.122.073.441	40.703.994.507
Khấu hao:	8.867.494.242	359.986.666	305.823.168	190.333.935	9.723.638.011
+ Trích trong năm	8.867.494.242	359.986.666	305.823.168	190.333.935	9.723.638.011
Thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	(4.968.755.284)	(2.126.598.046)	(44.462.762)	-	(7.139.816.092)
Tại 31/12/2017	37.406.750.778	508.830.500	4.059.827.772	1.312.407.376	43.287.816.426

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 01/01/2017	57.063.375.264	2.103.134.978	1.843.783.000	739.087.565	61.749.380.807
Tại 31/12/2017	38.219.207.698	1.475.314.496	1.284.022.594	548.753.630	41.527.298.418

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 3.416.033.354 VNĐ (31/12/2016: 2.834.726.120 VNĐ).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Bản quyền phần mềm VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại 01/01/2017	3.107.920.002
Tăng trong năm	174.880.000
Giảm khác	(1.875.100.000)
Tại 31/12/2017	<u>1.407.700.002</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại 01/01/2017	(657.104.228)
Khấu hao trong năm	(190.299.414)
Giảm khác	-
Tại 31/12/2017	<u>(847.403.642)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại 01/01/2017	<u>2.450.815.774</u>
Tại 31/12/2017	<u><u>560.296.360</u></u>

**8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2017 VNĐ	01/01/2017 VNĐ
Công ty Cổ phần Maviflex Châu Á	1.464.813.006	1.154.057.732
Công ty Iwatani AC&R Việt Nam	1.917.212.091	2.189.681.684
Công ty CP Kỹ thuật Lạnh Recom	9.000.000.000	-
	<u>12.382.025.097</u>	<u>3.343.739.416</u>
	31/12/2017 VNĐ	01/01/2017 VNĐ
Công ty Cổ phần Maviflex Châu Á	1.464.813.006	1.154.057.732
<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>1.014.240.000</i>	<i>1.014.240.000</i>
<i>Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</i>	<i>450.573.006</i>	<i>139.817.732</i>
	<u>1.464.813.006</u>	<u>1.154.057.732</u>
	31/12/2017 VNĐ	01/01/2017 VNĐ
Tổng tài sản	16.935.982.323	10.917.538.333
Tổng công nợ	10.857.201.783	6.128.351.145
Tài sản thuần	6.078.780.540	4.789.187.188
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	<u>1.464.813.006</u>	<u>1.154.057.732</u>
	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Doanh thu	17.025.161.491	7.880.014.980
Lợi nhuận thuần	1.289.593.352	(917.926.103)
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	<u>310.755.274</u>	<u>(221.194.051)</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Iwatani AC&R Việt Nam	1.917.212.091	2.189.681.684
Giá trị đầu tư	2.355.150.000	2.355.150.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(437.937.909)	(165.468.316)
	<u>1.917.212.091</u>	<u>2.189.681.684</u>

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tổng tài sản	19.718.428.355	7.491.643.548
Tổng công nợ	14.231.521.451	1.224.950.568
Tài sản thuần	5.486.906.904	6.266.692.980
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	<u>1.917.212.091</u>	<u>2.189.681.684</u>

	2017	2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu	8.244.432.942	-
Lợi nhuận thuần	(779.786.076)	(473.557.020)
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	<u>(272.469.593)</u>	<u>(165.468.316)</u>

**9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH Kỹ thuật lạnh Recom	-	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	8.950.000.000	8.950.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Hải sản An Phú	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>18.950.000.000</u>	<u>31.950.000.000</u>

Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của các Công ty này, do đó khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày theo giá gốc.

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế Giá trị gia tăng	501.020.995	698.698.574
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.492.021.862	12.089.536.688
Thuế Thu nhập cá nhân	159.182.040	115.347.444
	<u>9.152.224.897</u>	<u>12.903.582.706</u>

**11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	44.250.796.365	27.728.246.531
BIDV - Chi nhánh Chợ Lớn	36.953.073.074	29.994.908.993
Ngân hàng Standard Chartered Bank	10.392.536.673	-
Vay các cá nhân	2.500.000.000	300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.000.004.000	3.504.000.000
	<u>96.096.410.112</u>	<u>61.527.155.524</u>

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

Các khoản dự phòng đối với bảo hành sản phẩm là ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí sửa chữa phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng Công ty áp dụng đối với các sản phẩm điện tử, điện lạnh trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các sản phẩm lỗi.

**13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	-	1.880.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	833.315.000	2.833.319.000
Vay các cá nhân	19.909.941.891	22.404.941.891
	<u><b>20.743.256.891</b></u>	<u><b>27.118.260.891</b></u>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	2.000.004.000	3.504.000.000
Trong năm thứ hai	833.315.000	4.713.319.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	19.909.941.891	22.404.941.891
Sau năm năm	-	-
	<u><b>22.743.260.891</b></u>	<u><b>30.622.260.891</b></u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(2.000.004.000)</u>	<u>(3.504.000.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u><b>20.743.256.891</b></u>	<u><b>27.118.260.891</b></u>

**14. VỐN ĐIỀU LỆ**

Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty 82.508.680.000 VNĐ (năm 2016: 53.711.030.000 VNĐ). Tại ngày 31/12/2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo giấy Chứng nhận		Vốn thực góp			
	Đăng ký Doanh nghiệp		31/12/2017		01/01/2017	
	<u>VNĐ</u>	%	<u>VNĐ</u>	%	<u>VNĐ</u>	%
Ông Nguyễn Bá Trí	5.123.770.000	6,21	5.123.770.000	6,21	5.123.770.000	9,54
Ông Đặng Anh Tâm	1.165.290.000	1,41	1.165.290.000	1,41	1.165.290.000	2,17
Ông Bùi Quốc Hưng	2.560.560.000	3,10	2.560.560.000	3,10	2.560.560.000	4,77
Ông Lâm Ngọc Thu	3.004.230.000	3,64	3.004.230.000	3,64	-	-
Ông Đặng Thoại Thành	2.606.660.000	3,16	2.606.660.000	3,16	-	-
Công ty CP Hưng Trí Holding	58.009.890.000	70,31	58.009.890.000	70,31	42.968.840.000	80,00
Cổ đông khác	10.038.280.000	12,17	10.038.280.000	12,17	1.892.570.000	3,52
	<u><b>82.508.680.000</b></u>	<u><b>100</b></u>	<u><b>82.508.680.000</b></u>	<u><b>100</b></u>	<u><b>53.711.030.000</b></u>	<u><b>100</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**15. CỔ TỨC VÀ CỔ PHIẾU**

	31/12/2017	01/01/2017
Cổ phiếu	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.371.103	5.371.103
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.250.868	5.371.103
- Cổ phiếu phổ thông	8.250.868	5.371.103
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.250.868	5.371.103
- Cổ phiếu phổ thông	8.250.868	5.371.103
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ

**16. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong các công ty con của Tập đoàn. Tình hình biến động của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	2017	2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	3.891.271.969	40.716.446.657
Vốn điều lệ góp bởi các cổ đông không kiểm soát	7.050.000.000	(37.500.000.000)
Lợi nhuận của các cổ đông không kiểm soát	2.820.942.752	986.044.294
Cổ tức đã chia cho các cổ đông không kiểm soát	(162.263.879)	(255.755.492)
Các điều chỉnh khác	(141.047.138)	(55.463.490)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b><u>13.458.903.704</u></b>	<b><u>3.891.271.969</u></b>

**17. DOANH THU**

	2017	2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	69.852.153.151	66.262.396.593
- Doanh thu công trình	571.538.533.840	429.185.146.096
- Doanh thu dịch vụ	9.714.910.592	2.944.041.800
	<b><u>651.105.597.583</u></b>	<b><u>498.391.584.489</u></b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
- Hàng bán bị trả lại	-	(6.900.000)
	<b><u>651.105.597.583</u></b>	<b><u>498.384.684.489</u></b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	2017	2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Bao gồm:		
- Giá vốn hàng hóa đã bán	64.328.290.608	49.500.663.967
- Giá vốn thành phẩm đã bán	486.150.988.166	346.841.755.923
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.646.665.983	1.278.732.959
	<u><b>555.125.944.757</b></u>	<u><b>397.621.152.849</b></u>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2017	2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	61.120.779	299.984.856
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.332.258	500.486.254
Khác	-	35.087.709.495
	<u><b>77.453.037</b></u>	<u><b>35.888.180.605</b></u>

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2017	2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay	6.991.148.194	5.431.146.444
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	224.783.322	365.292.223
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	219.332.515	467.639.126
	<u><b>7.435.264.031</b></u>	<u><b>6.264.077.793</b></u>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	2017	2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí tiền lương nhân viên	4.357.615.336	4.378.693.664
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	377.937.625	73.251.601
Chi phí bảo hành	5.653.540.713	2.734.305.821
Chi phí khấu hao	41.631.100	23.839.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	609.379.842	469.447.787
Chi phí khác bằng tiền	204.430.467	125.244.799
	<u><b>11.244.535.083</b></u>	<u><b>7.804.783.664</b></u>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	2017	2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí Nhân viên quản lý	15.162.188.394	21.626.934.898
Chi phí dự phòng	682.603.476	289.350.498
Chi phí đồ dùng văn phòng	678.279.387	1.045.238.239
Chi phí khấu hao TSCĐ	631.521.621	1.448.513.274
Thuế, phí và lệ phí	622.000.104	597.460.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.428.659.415	16.784.190.642
Chi phí khác	16.131.404.066	6.398.001.595
	<u><b>36.336.656.463</b></u>	<u><b>48.189.689.857</b></u>

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2017	2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>41.085.136.496</b>	<b>74.854.180.570</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	-	-
Lãi của các công ty liên kết	-	117.302.726
Chuyển lỗ năm trước ở công ty con	-	(1.555.001.381)
Cộng: Lỗ của các công ty con	-	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.558.572.028	2.985.315.737
Ảnh hưởng các bút toán hợp nhất	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<u><b>42.643.708.524</b></u>	<u><b>76.401.797.652</b></u>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	8.521.084.568	14.873.517.304
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u><b>8.521.084.568</b></u>	<u><b>14.873.517.304</b></u>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2017	2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.743.109.176	58.994.618.972
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.247.102.096)	(4.692.921.107)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.496.007.080	54.301.697.865
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.418.396	9.562.388
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u><b>3.032</b></u>	<u><b>5.679</b></u>

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ**  
51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*



**NGUYỄN THỊ NGỌC THẮNG**

Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2018



**LÂM THÁI BẢO**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HUNG TRÍ**

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

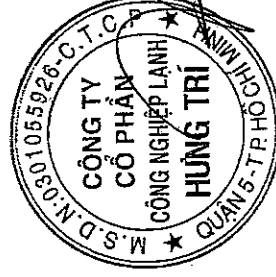
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

MẪU B 09-DN

**THÔNG TIN THÊM:****I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017**

CHỈ TIÊU	NĂM 2017						TỔNG CỘNG
	HUNG TRÍ CP	NLX	KTCT	BA HUÂN	C.TY LIÊN KẾT		
1. Lợi nhuận sau thuế TNDN HN	18.317.864.656	573.947.439	11.596.911.285	5.120.056.574	-		35.608.779.954
2. Ảnh hưởng của Điều chỉnh HN:							
2.1 Phần TN từ Maviflex	-	-	-	-	310.755.274		310.755.274
2.2 Phần TN từ IWATANI	-	-	-	-	(272.469.593)		(272.469.593)
2.3 Cổ tức từ KTCT	(3.083.013.707)	-	-	-	-		(3.083.013.707)
1. Lợi nhuận sau điều chỉnh HN	15.234.850.949	573.947.439	11.596.911.285	5.120.056.574	38.285.681		32.564.051.928
2. Phần chia lợi nhuận:							
2.1 Công ty mẹ	15.234.850.949	516.552.695	9.857.374.592	4.096.045.259	38.285.681		29.743.109.176
2.2 Cổ đông không kiểm soát	-	57.394.744	1.739.536.693	1.024.011.315	-		2.820.942.752



*(Handwritten signature)*

**NGUYỄN THỊ NGỌC THẮNG**

Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

**LÂM THÁI BẢO**

Tổng Giám đốc